

BẢNG TỔNG KẾT LỚP 6/2
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2015-2016

Stt	Họ và tên	Điểm trung bình học kỳ 1														Vắng		Kết quả học kỳ 1				
		Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	CD	CN	TD	ÂN	MT	Tin	CP	KP	TBCM	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Ghi chú
1	Trần Ngọc Bảo	8.6	7.4		7.7	6.6	7.6	8.0	6.5	8.4	8.7	Đ	Đ	Đ	7.3	-	-	7.7	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
2	Lê Phạm Vũ Huỳnh Châu	8.7	7.4		7.8	8.4	7.1	7.0	8.1	7.6	9.5	Đ	Đ	Đ	7.8	1	-	7.9	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
3	Lê Văn Duy	8.3	8.0		7.1	6.8	6.9	8.4	8.5	7.2	8.1	Đ	Đ	Đ	6.9	-	-	7.6	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
4	Phan Hùng Vũ Duy	8.7	8.2		6.5	6.0	5.6	6.5	6.6	6.4	7.5	Đ	Đ	Đ	6.2	-	-	6.8	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
5	Huỳnh Đức Hải	6.3	6.8		7.2	5.8	5.6	6.3	6.2	6.6	8.4	Đ	Đ	Đ	6.2	-	-	6.5	T.Bình	Khá		
6	Huỳnh Văn Hoàng	8.2	5.1		5.7	6.5	5.3	6.1	7.3	6.5	8.2	Đ	Đ	Đ	7.6	-	1	6.7	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
7	Nguyễn Đức Hưng	7.3	5.4		5.3	5.5	7.3	7.3	4.5	6.4	8.3	Đ	Đ	Đ	6.4	-	-	6.4	T.Bình	Tốt		
8	Hồ Khải Hưng	7.3	5.9		5.6	6.7	6.4	6.9	4.9	8.1	8.4	Đ	Đ	Đ	7.1	2	1	6.7	T.Bình	Khá		
9	Lê Quốc Huy	7.9	6.4		5.7	5.6	6.3	6.0	5.7	6.4	6.2	Đ	Đ	Đ	5.8	-	-	6.2	T.Bình	Khá		
10	Nguyễn Nhật Lâm	7.4	6.2		4.2	5.7	4.3	6.5	3.2	7.2	7.1	Đ	Đ	Đ	6.4	-	-	5.8	Yếu	Tốt		
11	Nguyễn Văn Lộc	9.5	9.6		8.6	6.3	6.4	8.7	5.7	7.7	8.6	Đ	Đ	Đ	7.9	-	1	7.9	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
12	Đặng Thị Bích Ly	7.7	6.1		5.9	6.1	5.3	7.4	4.7	7.1	9.0	Đ	Đ	Đ	6.4	-	-	6.6	T.Bình	Tốt		
13	Nguyễn Thị Khánh Ly	8.2	7.5		6.5	6.1	4.9	6.8	5.9	7.4	8.1	Đ	Đ	Đ	6.0	-	-	6.7	T.Bình	Tốt		
14	Trần Văn Mạnh	2.9	6.1		5.2	5.1	4.2	5.2	2.1	5.9	5.7	Đ	Đ	Đ	5.1	3	3	4.8	Yếu	Khá		
15	Trần Thị Nguyệt Nga	8.7	8.5		7.8	6.6	8.3	8.2	7.4	8.8	9.1	Đ	Đ	Đ	8.1	-	-	8.2	Giỏi	Tốt	HS Giỏi	
16	Lê Võ Thảo Nguyên	8.0	8.1		8.3	7.5	6.8	8.9	8.8	8.8	9.2	Đ	Đ	Đ	8.1	1	-	8.3	Giỏi	Tốt	HS Giỏi	
17	Đỗ Trọng Phú	8.6	7.7		6.3	5.9	6.6	5.9	6.7	6.8	8.6	Đ	Đ	Đ	7.9	-	-	7.1	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
18	Trần Minh Quốc	5.0	6.2		3.1	4.7	3.6	3.9	2.9	6.2	6.2	Đ	Đ	Đ	5.0	2	-	4.7	Yếu	Khá		
19	Phạm Phước Quý	5.4	7.9		7.0	5.8	7.5	7.4	7.1	7.4	7.8	Đ	Đ	Đ	6.7	-	-	7.0	T.Bình	Tốt		
20	Lê Đức Quang Sang	7.2	5.5		7.1	5.7	4.4	5.5	6.7	6.9	8.4	Đ	Đ	Đ	5.7	-	-	6.3	T.Bình	Tốt		
21	Nguyễn Thị Thanh Tâm	8.5	6.3		7.7	6.7	7.4	6.2	7.5	6.6	8.9	Đ	Đ	Đ	6.9	-	-	7.3	Khá	Tốt	HS T.Tiến	
22	Nguyễn Văn Thảo	6.9	6.3		3.8	5.3	5.3	5.4	3.8	6.3	7.1	Đ	Đ	Đ	6.1	-	-	5.6	T.Bình	Tốt		
23	Kiều Bá Thiện	6.1	5.7		4.8	4.8	4.7	5.4	4.2	7.1	6.1	Đ	Đ	Đ	6.7	-	1	5.6	T.Bình	Khá		
24	Nguyễn Thị Hoài Thương	7.3	5.5		4.8	5.8	4.7	5.9	5.5	6.4	7.7	Đ	Đ	Đ	6.6	1	-	6.0	T.Bình	Tốt		
25	Từ Thị Phương Thùy	8.7	8.3		7.9	6.8	7.5	8.8	8.0	8.0	9.5	Đ	Đ	Đ	8.0	-	-	8.2	Giỏi	Tốt	HS Giỏi	
26	Trần Thanh Toàn	5.8	4.8		4.9	5.3	5.5	5.8	3.8	7.1	6.3	Đ	Đ	Đ	6.1	-	-	5.5	T.Bình	Khá		
27	Nguyễn Văn Phước Toàn	7.1	5.8		5.1	5.7	4.3	6.1	5.7	6.9	6.9	Đ	Đ	Đ	6.4	5	-	6.0	T.Bình	Tốt		
28	Đỗ Huyền Trân	8.9	8.3		8.8	8.1	7.8	7.9	8.8	8.6	9.4	Đ	Đ	Đ	8.1	-	-	8.5	Giỏi	Tốt	HS Giỏi	

29	Lê Ngô Quốc Trí	8.2	6.3		6.4	6.4	5.9	6.6	8.3	7.9	7.1	Đ	Đ	Đ	7.9	-	-	7.1	Khá	Khá	HS T.Tiến	
30	Trần Thị Thanh Trúc	5.5	6.5		4.3	5.8	4.8	5.5	5.6	6.4	8.3	Đ	Đ	Đ	6.0	-	-	5.9	T.Bình	Tốt		
31	Mai Thị Yến	4.0	4.4		4.0	5.2	4.1	5.1	3.9	7.3	7.4	Đ	Đ	Đ	5.6	-	-	5.1	T.Bình	Tốt		
32																						
33																						
34																						
35																						

Tổng số học sinh:	31	Học lực	SL	Tỉ lệ %
Nam: 20		Giỏi	4	12.90%
Nữ: 11		Khá	9	29.03%
		T.bình	15	48.39%
		Yếu	3	9.68%
		Kém	0	0.00%
		Trên TB	28	90.32%

Hành kiểm	SL	Tỉ lệ %
Tốt	23	74.19%
Khá	8	25.81%
T.bình	0	0.00%
Yếu	0	0.00%
Trên TB	31	100.00%

Ngày tháng Năm

Phan Thị Lệ Thủy

Danh hiệu	SL	Tỉ lệ %
HS Giỏi	4	12.90%
HS T,tiến	9	29.03%
Tổng	13	41.94%

